

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2025

*V/v Tranh chấp về xác định cha
cho con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **386/2024/TLST-HNGĐ** ngày 25 tháng 11 năm **2024** về việc *Tranh chấp xác định cha cho con* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 14/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Đinh Văn T**, sinh năm 1991; nơi ĐKKH: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: **Chị Lộc Thị H**, sinh năm 1993; nơi ĐKKH: Xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; hiện ở: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Tô Văn Đ**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh T trình bày:

Anh đã có vợ, con nhưng đã ly hôn vào tháng 7/2024. Anh và chị Lộc Thị H quen nhau khoảng năm 2023, có quan hệ tình cảm. Khi đó anh chưa biết chị H đã có chồng và có con. Sau khi mang thai cháu **Hà N** thì chị H mới nói cho anh biết là trước đây chị đã có chồng. Chị H sinh con ngày 02/10/2024 (giới tính: Nữ), dự kiến đặt tên là **Đinh Thị Hà N**, theo giấy chứng sinh số: 00527.GCS.30005.24, cấp ngày 03/10/2024 của **Trung tâm y tế thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Ngày 15/12/2023, chị H đã ly hôn với chồng là anh **Tô Văn Đ** theo Quyết định số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2023 của **TADN huyện C, tỉnh Lạng Sơn**. Anh xác định cháu **Đinh Thị Hà N**, sinh ngày 02/10/2024 là con của anh. Anh muốn đứng tên cha chính thức của cháu N nhưng chị H lại muốn

nuôi con một mình, không muốn cho anh đứng tên nên anh không thể làm giấy khai sinh cho cháu được. Anh đã phải làm xét nghiệm ADN và kết quả là giữa anh và cháu **Đinh Thị Hà N**, có quan hệ huyết thống bố - con. Do đó, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xác định anh – **Đinh Văn T** là cha của cháu **Đinh Thị Hà N**.

*Tại bản tự khai, chị **Lộc Thị H** trình bày: **Chị và anh Tô Văn Đ**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn** kết hôn, đến ngày 15/12/2023 thì anh chị ly hôn. Trước đó, chị có quan hệ tình cảm với anh **Đinh Văn T**, có **thai và sinh con**, đặt tên là **Đinh Thị Hà N** (tên dự kiến), sinh ngày 02/10/2024 (giới tính: Nữ), theo giấy chứng sinh số: 00527.GCS.30005.24, cấp ngày 03/10/2024 của **Trung tâm y tế thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Chị chỉ muốn một mình nuôi con, không liên quan đến anh T. Chị xác định cháu **Đinh Thị Hà N** là con của chị. Anh T đã làm xét nghiệm ADN và kết quả là giữa anh T và cháu **Đinh Thị Hà N**, có quan hệ huyết thống bố - con. Nay anh T yêu cầu Tòa án xác định anh T là cha của cháu **Đinh Thị Hà N** thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.*

*Anh **Tô Văn Đ** đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.*

Tại Giấy chứng sinh số 00527.GCS.30005.24, quyển số 02 ngày 03/10/2024 của **TTYT thị xã K** ghi nhận: Họ tên mẹ: **Lộc Thị H**, sinh năm 1993 đã sinh con ngày 02/10/2024, dự định đặt tên con là **Đinh Thị Hà N**, giới tính: Nữ.

Kết quả xét nghiệm ADN số 242273/2024 ngày 28/10/2024 của **Viện Công nghệ A** và phân tích di truyền - GENLAB, địa chỉ: **A T, phường K, quận T, Hà Nội** kết luận: **Đinh Văn T** có quan hệ huyết thống Bố - Con với **Đinh Thị Hà N**, độ tin cậy trên 99,999999%.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – anh **T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xác định anh là cha của cháu **Đinh Thị Hà N**. Anh tự nguyện chịu án phí thay cho chị **H**.

Bị đơn - chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, nếu Tòa án xác định anh **T** là cha của cháu **N** thì chị cũng chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh **Đ** vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14y 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Xác định anh **Đinh Văn T** là cha của cháu **Đinh Thị Hà N**.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho chị H nên buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Anh T và chị H hiện ở tại phường H, thị xã K nên yêu cầu Tòa án xác định cha cho con của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 4 Điều 28; Điều 35; Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (gọi tắt là BLTTDS). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Đ vắng mặt không có lý do lần thứ 2 nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện xác định cha cho con của anh Đinh Văn T:

Chị Lộc Thị H và anh Tô Văn Đ là vợ chồng đến năm 2023 thì ly hôn, trước đó chị H sống ly thân với anh Đ. Trong thời gian ly thân với anh Đ, chị H có quan hệ tình cảm và có thai với anh Đinh Văn T. Ngày 02/10/2024, chị H sinh con, dự định đặt tên là Đinh Thị Hà N, giới tính: Nữ, theo giấy chứng sinh số 00527.GCS.30005.24, quyển số 02, ngày 03/10/2024 của TTYT thị xã K. Căn cứ bản Kết quả xét nghiệm ADN số 242273/2024 ngày 28/10/2024 của Viện Công nghệ A và phân tích di truyền - GENLAB, địa chỉ: A T, phường K, quận T, Hà Nội kết luận: Đinh Văn T có quan hệ huyết thống Bố - Con với Đinh Thị Hà N, độ tin cậy trên 99, 999999%. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Đinh Văn T, xác định anh là cha của cháu Đinh Thị Hà N theo quy định tại Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho chị H, buộc anh Tuân chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Tuân, chị H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 88, 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T. Xác định Anh Đinh Văn T, sinh năm 1991; CCCD: 030091019645; nơi ĐKKH: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương là cha của người con do chị Lộc Thị Huyền S ra ngày 02/10/2024, dự định đặt tên là Đinh Thị Hà N (giới tính: Nữ), theo giấy chứng sinh số 00527.GCS.30005.24, quyển số 02, ngày 03/10/2024 của Trung tâm Y tế thị xã K.

2. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh **T** chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho chị **H**, buộc anh **Đình Văn T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đình Thị Tin

Hoàng Văn Ngọc

Đào Văn Phúc